



CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN QUỐC TẾ
Hợp tác đào tạo giữa **Trường Đại học
Newcastle – Úc** và
Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM
Điện thoại: 08-37246042/ **Fax:** 84-8-37246042
Email: cie-nlu@hcmuaf.edu.vn
Website: <http://cie-nlu.hcmuaf.edu.vn>



CỬ NHÂN KHOA HỌC VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

GIỚI THIỆU

Ngày nay thế giới phải đối mặt với nhiều thách thức và những lo ngại về môi trường hơn bao giờ hết. Vấn đề mang tính sống còn là chúng ta phải hành động ngay bây giờ để tìm hiểu và quản lý môi trường hoặc chúng ta sẽ phải đối mặt với tương lai ảm đạm. Đại học Nông Lâm TP.HCM đã hợp tác với Đại học Newcastle, Úc để đem tới một chương trình đào tạo Cử nhân tuyệt vời về Khoa học và Quản lý Môi trường để đào tạo ra những sinh viên tốt nghiệp có khả năng đối mặt với những thách thức này. Chương trình này kéo dài ba năm (tương đương với sáu học kỳ) tại hai cơ sở học khác nhau, được xây dựng với mục tiêu trang bị cho bạn kiến thức chuyên ngành, các kỹ năng và tiếng Anh thành thạo với tiêu chuẩn quốc tế về Khoa học và Quản lý Môi trường.

NHỮNG LĨNH VỰC HỌC TẬP ĐA DẠNG VÀ LINH HOẠT

Theo học Cử nhân ngành Khoa học và Quản lý Môi trường nghĩa là bạn sẽ được tiếp xúc với rất nhiều chủ đề khoa học môi trường, bao gồm sinh thái học, nội quy môi trường, đo lường và giám sát các quá trình sinh học và của trái đất, đánh giá tác động môi trường và luật môi trường. Một khía cạnh độc nhất trong chương trình của chúng tôi là các khóa học quản lý được lồng ghép chặt chẽ vào chương trình, tức là bạn có thể học cả khoa học và quản lý.

KINH NGHIỆM THỰC HÀNH

Công tác hiện trường là một tiêu điểm nhấn trong khóa học khoa học môi trường của chúng tôi. Bạn sẽ có thể tham gia vào các chuyến thực địa tới nhiều khu vực khai mỏ, công viên quốc gia, các khu phát triển thành thị, các kênh/rạch chính và những “điểm nóng môi trường” khác.

NHỮNG CƠ SỞ TIỆN ÍCH PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH NHẤT ĐỊNH ĐỂ MÔ PHỎNG NHỮNG TÌNH HUỐNG TRONG NGÀNH

Khi học tập tại Đại học Newcastle, bạn sẽ làm việc trong những phòng thí nghiệm chuyên ngành được trang bị đầy đủ với hỗ trợ kỹ thuật hiện đại. Những trang bị này bao gồm máy hóa phân tích, hệ thống máy tính và thiết bị thực địa sẽ đem tới cho bạn kinh nghiệm và các kỹ năng cần thiết để đáp ứng các nhu cầu của nhà tuyển dụng trong tương lai cũng như giải quyết những quan hệ cụ thể về môi trường trên toàn cầu.

BẠN SẼ HỌC GÌ

Các khóa học cốt lõi chiếm khoảng một nửa chương trình và kết hợp việc học tập về hoạch định môi trường và đánh giá tác động; lấy mẫu môi trường và phân tích dữ liệu; viễn thám và bản đồ trên máy tính môi trường; giá trị, khả năng bền vững và cách ứng xử môi trường; các quá trình sinh vật học và trái đất; và phát triển xã hội và môi trường. Những môn học này đem tới nền tảng cơ bản cho mỗi chuyên ngành trong số ba chuyên ngành chính. Những lĩnh vực học tập của mỗi chuyên ngành bao gồm sinh học vi khuẩn, sinh lý học động vật và phát triển của sinh học/sinh thái biển và phát triển của quản lý bền vững nguồn tài nguyên, biến đổi toàn cầu, khí hậu học và đất, địa lý và sinh thái nhân văn.

Các môn học tự chọn cũng lựa chọn để hoàn thành chương trình văn bằng này.

CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN KHOA HỌC VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

Chương trình Khoa học và Quản lý Môi trường là một chương trình văn bằng khoa học với trọng tâm là kiến thức về các quá trình xử lý, các vấn đề và công tác quản lý môi trường. Chương trình học được chia thành ba phần: các môn học bắt buộc, các môn chuyên ngành và các môn học tự chọn. Bạn sẽ có cơ hội học chuyên sâu về một trong những lĩnh vực chính sau đây: Hệ thống hữu sinh (đa dạng sinh học, bảo tồn và phục hồi), Hệ thống Vật lý (không khí, đất và nước) và Hệ thống Xã hội (tính bền vững, chính sách và đặc điểm).

THỜI LƯỢNG ĐÀO TẠO

Thời lượng đào tạo đối với văn bằng Cử Nhân liên kết về Khoa Học và Quản Lý Môi Trường là ba năm hoặc sáu học kỳ (không tính các khóa học dự bị như tiếng Anh, máy tính và các kỹ năng mềm) và bao gồm hai phần: 1.5 năm (ba học kỳ) tại Đại học Nông Lâm TP.HCM và – 1.5 năm (ba học kỳ) tại Đại học Newcastle Úc, chưa kể thời gian học tiếng Anh và các môn kỹ năng mềm. Để được cấp bằng Cử nhân, sinh viên phải:

- Phải hoàn thành tất cả các môn học “cốt lõi” bắt buộc đối với chương trình (170 tín chỉ).
- Phải hoàn thành 50 tín chỉ các khóa học định hướng (trong danh sách các môn học tự chọn) - với 10 tín chỉ ở Level 2000 và 30 tín chỉ ở Level 3000.
- Hoàn thành các “môn tự chọn” (20 tín chỉ)
- Không quá 100 tín chỉ ở Level 1000.
- Tối thiểu 60 tín chỉ hoàn thành ở Level 3000.

Chương trình dự bị (6 tháng – 1 năm tại Việt Nam)

| | |
|-------------------------------|-------------------|
| Tiếng anh thông dụng cấp độ 1 | 160 giờ (8 tuần) |
| Tiếng anh thông dụng cấp độ 2 | 156 giờ (8 tuần) |
| Tiếng anh học thuật cấp độ 1 | 232 giờ (10 tuần) |
| Tiếng anh học thuật cấp độ 2 | 220 giờ (10 tuần) |
| Tin học cơ bản | 105 giờ |
| Kỹ năng mềm | 45 giờ |

Chương trình chuyên môn Giai đoạn I: 1.5 năm – 3 học kì tại Việt Nam

| MÃ SỐ | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ |
|--|--|------------|
| BIOL1002 | Sinh vật của các hệ sinh thái - Organisms to Ecosystems | 10 |
| STAT1070 | Thống kê trong Khoa học - Statistics for the Sciences | 10 |
| ENVS1060 | Các quá trình môi trường, hóa học và vật lý - Environmental, Chemical and Physical Processes | 10 |
| EMGT1020 | Môi trường và phát triển xã hội - Social Development and the Environment | 10 |
| ENVS1020 | Đạo đức và giá trị môi trường - Environmental Values and Ethics | 10 |
| GEOS1040 | Hệ thống động lực học trái đất- Earth's Dynamic Systems | 10 |
| BIOL2070 | Sinh thái học - Ecology | 10 |
| ENVS2010 | Chính sách và quy hoạch môi trường - Environmental Legislation and Planning | 10 |
| ENVS2040 | Năng lượng và môi trường - Energy and the Environment | 10 |
| GEOS2161 | GIS và viễn thám - GIS and Remote Sensing | 10 |
| <u>Các tín chỉ chỉ định hoặc tự chọn cho chuyên ngành đã chọn:</u> | | |
| BIOL1003 | Kỹ năng chuyên môn của khoa học sinh học 1 - Professional Skills of Biological Sciences 1 | 10 |
| CHEM2610 | Hóa học môi trường - Environmental Chemistry | 10 |
| Tổng số tín chỉ đảm bảo: | | 120 |
| <i>Social Chuyên ngành Các hệ thống tự nhiên - Physical Systems Major:</i> | | 120 |
| <i>Chuyên ngành các hệ thống hữu sinh - Living Systems Major:</i> | | 120 |
| <i>Chuyên ngành các hệ thống xã hội - Systems Major:</i> | | 120 |

Chương trình chuyên môn Giai đoạn II: 1.5 năm tại Úc

Giai đoạn II sinh viên sẽ phải hoàn thành 120 tín chỉ (3 học kỳ) còn lại tại Đại học Newcastle bao gồm cả phần bắt buộc và tự chọn.

Các môn học bắt buộc. Sau đây là danh sách các môn học bắt buộc của chương trình học buộc phải hoàn thành. **Các đơn vị tín chỉ đã được công nhận cho một môn học cụ thể thì sẽ không phải học lại**

| MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ |
|--|--|------------|
| CÁC MÔN BẮT BUỘC CỦA CHƯƠNG TRÌNH | | |
| BIOL1002 | Sinh vật của các hệ sinh thái - Organisms to Ecosystems | 10 |
| EMGT1020 | Môi trường và phát triển xã hội - Social Development & the Environment | 10 |
| ENVS1020 | Đạo đức và giá trị môi trường - Environmental Values & Ethics | 10 |
| ENVS1060 | Các quá trình môi trường, hóa học và vật lý - Environmental, Chemical & Physical Processes | 10 |
| GEOS1040 | Hệ thống động lực học trái đất - Earth's Dynamic Systems | 10 |
| STAT1070 | Thống kê trong Khoa học - Statistics for the Sciences | 10 |
| BIOL2070 | Sinh thái học - Ecology | 10 |
| GEOS2061 | GIS và viễn thám - GIS and Remote Sensing | 10 |
| ENVS2010 | Chính sách và quy hoạch môi trường - Environmental Legislation and Planning | 10 |
| ENVS2040 | Năng lượng và môi trường - Energy and the Environment | 10 |
| EMGT3110 | Đánh giá tác động tổng hợp - Integrated Impact Assessment | 10 |
| ENVS3020 | Khoa học môi trường ứng dụng - Applied Environmental Science | 10 |
| Tổng số tín chỉ: | | 120 |

Chuyên ngành Hệ thống Vật lý - Physical Systems Major (Air, Land and Water)

| MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | GHI CHÚ |
|--|---|---------|-------------------|
| <i>Phải hoàn thành các môn bắt buộc sau cho chuyên ngành này:</i> | | | |
| GEOS1050 | Các quá trình trái đất và sản phẩm - Earth Processes and Products | 10 | |
| GEOS2080 | Thực tập khoa học trái đất - Earth Science Field Course | 10 | |
| <i>Chọn 2 môn của các môn được chỉ định của Level 2000:</i> | | | |
| CHEM2110 | Hóa phân tích - Analytical Chemistry | 10 | |
| CHEM2610 | Hóa môi trường 1 - Environmental Chemistry 1 | 10 | |
| GEOS2050 | Các quá trình lưu vực sông - River Basin Processes | 10 | |
| GEOS2070 | Khoa học đất và khí hậu - Climatology and Soils | 10 | |
| GEOS2170 | Đo lường quang học và nham thạch học - Optical Measurement & Igneous Petrology | 10 | |
| GEOS2190 | Địa chất học thực hành và cấu trúc - Structural & Field Geology | 10 | |
| GEOS2200 | Các loại đá nham thạch và môi trường - Earth's Sedimentary Rocks & Environments | 10 | |
| SRMT2030 | Quản lý bền vững tài nguyên nước - Sustainability | 10 | Chỉ giảng dạy tại |

| | | |
|---|--|-----------------|
| Resource Management: Water | | Campus Ourimbah |
| Chọn ít nhất 4 môn của Level 3000 của các môn học được chỉ định: | | |
| CHEM3110 | Phân tích hóa học với các công cụ - Instrumental Chemical Analysis | 10 |
| EMGT3100 | Xử lý ô nhiễm môi trường - Environmental Remediation | 10 |
| GEOS3150 | Phân tích lưu vực sông - Basin Analysis | 10 |
| GEOS3160 | Địa chất học nhiên liệu - Geology of Fuels | 10 |
| GEOS3250 | Hệ thống thông tin địa lý - Geographic Information Systems | 10 |
| GEOS3280 | Thay đổi toàn cầu - Global Change | 10 |
| Tổng số tín chỉ | | 80 |

Chuyên ngành Hệ thống Hữu sinh - Living Systems Major (Biodiversity, Conservation & Restoration)

| MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | GHI CHÚ |
|---|--|---------|-----------------------------------|
| Phải hoàn thành các môn học bắt buộc sau đây cho chuyên ngành này: | | | |
| BIOL1003 | Kỹ năng chuyên ngành trong khoa học sinh học 1 - Professional Skills of Biological Sciences 1 | 10 | |
| Chọn ít nhất ba môn học từ các môn học được chỉ định Level 2000: | | | |
| BIOL2001 | Các kỹ năng phòng thí nghiệm phân tử trong khoa học sinh học - Molecular Laboratory Skills for Biological Sciences | 10 | |
| BIOL2002 | Kỹ năng phòng thí nghiệm trong các hệ thống sinh học - Laboratory Skills in Biological Systems | 10 | |
| BIOL2010 | Hóa sinh - Biochemistry | 10 | |
| BIOL2020 | Sinh lý động vật và phát triển - Animal Physiology & Development | 10 | |
| BIOL2050 | Di truyền phân tử - Molecular Genetics | 10 | |
| BIOL2090 | Sinh học vi sinh - Microbial Biology | 10 | |
| BIOL2220 | Phát triển tế bào thực vật - Plant Cell Development | 10 | |
| CHEM2110 | Hóa phân tích - Analytical Chemistry | 10 | |
| CHEM2610 | Hóa môi trường 1 - Environmental Chemistry 1 | 10 | |
| EMGT2040 | Ecology & Management of Australian Flora | 10 | |
| EMGT2050 | Động vật Châu Úc - Australian Fauna | 10 | |
| MARI2300 | Sinh học biển - Marine Biology | 10 | Chỉ giảng dạy tại Campus Ourimbah |
| MARI2320 | Sinh thái biển - Marine Ecology | 10 | Chỉ giảng dạy tại |

| | | | |
|---|---|-----------|-----------------------------------|
| | | | Campus Ourimbah |
| MARI2330 | Sinh thái biển và thực vật đới bờ - Marine & Coastal Flora Ecology | 10 | Chỉ giảng dạy tại Campus Ourimbah |
| SRMT2040 | Quản lý bền vững tài nguyên đa dạng sinh học - Sustainable Resource Management Biodiversity | 10 | Chỉ giảng dạy tại Campus Ourimbah |
| Chọn 4 môn từ các môn chỉ định của Level 3000: | | | |
| BIOL3020 | Sinh lý tái sản xuất và phát triển - Reproductive Physiology & Development | 10 | |
| BIOL3100 | Vi trùng học - Microbiology | 10 | |
| BIOL3330 | Sinh lý và phát triển thực vật - Plant Development & Physiology | 10 | |
| BIOL3350 | Nghiên cứu sinh thái - Ecological Research | 10 | |
| CHEM3110 | Phân tích hóa với công cụ - Instrumental Chemical Analysis | 10 | |
| EMGT3030 | Bảo tồn đa dạng sinh học - Conservation Biology | 10 | |
| EMGT3100 | Xử lý ô nhiễm môi trường - Environmental Remediation | 10 | |
| GEOS3250 | Hệ thống thông tin địa lý - Geographic Information Systems | 10 | |
| MARI3300 | Sinh thái học cửa sông - Estuarine Ecology | 10 | Chỉ giảng dạy tại Campus Ourimbah |
| MARI3320 | Phương pháp luận sinh thái học - Ecological Methodology | 10 | Chỉ giảng dạy tại Campus Ourimbah |
| MARI3330 | Thủy hải sản - Marine Fish and Fisheries | 10 | Chỉ giảng dạy tại Campus Ourimbah |
| MARI3400 | Dự án khoa học hải dương - Marine Science Project | 10 | Chỉ giảng dạy tại Campus Ourimbah |
| Total to be completed: | | 80 | |

Chuyên ngành Các hệ thống xã hội - Social Systems Major (Sustainability, Policy and Futures)

| MÃ MÔN HỌC | TÊN MÔN HỌC | TÍN CHỈ | GHI CHÚ |
|---|--|-----------|-----------------------------------|
| Phải hoàn thành các môn học bắt buộc sau đây cho chuyên ngành này: | | | |
| GEOG1020 | Giới thiệu địa lý nhân văn - Introduction to Human Geography | 10 | |
| Chọn 3 môn học trong các môn được chỉ định của Level 2000: | | | |
| EMGT2020 | Xã hội bền vững - The Sustainable Society | 10 | |
| GEOG2080 | Các thành phố và các vùng - Cities and Regions | 10 | |
| GEOG2130 | Các vùng địa lý và phát triển - Geographies and Development | 10 | |
| SOCS2400 | Nghiên cứu xã hội ứng dụng - Applied Social Research | 10 | |
| Chọn ít nhất 4 môn từ các môn chỉ định của Level 3000: | | | |
| ECON3320 | Kinh tế môi trường - Environmental Economics | 10 | |
| EMGT3070 | Nghiên cứu phát triển bền vững nâng cao - Advanced Studies in Sustainability | 10 | |
| GEOG3090 | Xã hội và không gian - Society and Space | 10 | |
| GEOG3240 | Toàn cầu hóa: Thành phố và các nền kinh tế - Globalisation: Cities, Economies | 10 | |
| GEOG3300 | Xem xét lại lý thuyết phát triển - Rethinking Development | 10 | |
| PHIL3910 | Công nghệ và giá trị nhân văn - Technology & Human Values | 10 | |
| SOCA3060 | Môi trường và xã hội - Environment & Society | 10 | |
| SOCS3100 | Phát triển chính sách, quản lý dự án và đánh giá - Policy Development, Program Management and Evaluation | 10 | |
| TOUR3000 | Du lịch nghỉ dưỡng và các vấn đề môi trường - Leisure Tourism & Environmental Issues | 10 | |
| SRMT3020 | Quy hoạch phát triển bền vững - Planning for Sustainability | 10 | Chỉ giảng dạy tại Campus Ourimbah |
| SRMT3040 | Quản lý tài nguyên cộng đồng - Community Resource Management | 10 | Chỉ giảng dạy tại Campus Ourimbah |
| Tổng số tín chỉ | | 80 | |

Các môn tự chọn cho tất cả các chuyên ngành 40 tín chỉ, trừ trường hợp các tín chỉ đã được công nhận - Electives – All Majors (Total of 40 units) – except where credit has already been allowed.

Sinh viên phải chọn 40 tín chỉ các môn tự chọn từ các môn học giảng dạy tại Newcastle, hoặc có thể chọn các môn chỉ định trực tiếp từ chương trình này.

Để biết thêm thông tin về Giai đoạn I xem tại Website: <http://cie-nlu.hcmuaf.edu.vn>

Để biết thêm thông tin về Giai đoạn xem tại Website: www.newcastle.edu.au/program/11587.html

BẠN SẼ HỌC TẬP TỪ AI

Tất cả các giảng viên của chúng tôi đều có tham gia vào những nghiên cứu được công nhận ở cấp quốc gia và thế giới. Những kết quả nghiên cứu của họ cung cấp trực tiếp cho việc giảng dạy, nhờ đó bạn sẽ được cập nhật những bước phát triển và phát hiện mới nhất.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ GHI DANH

Các yêu cầu đầu vào của Đại học Nông Lâm TP.HCM

- Tốt nghiệp phổ thông trung học, có điểm trung bình 3 năm THPT ≥ 6.5 ; hoặc đạt điểm sàn kỳ thi đại học của Bộ GD & ĐT.
- Điểm IELTS ≥ 4.5 hoặc vượt qua kỳ thi kiểm tra tiếng Anh đầu vào của chương trình.

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và phỏng vấn

Các yêu cầu đầu vào của Đại học Newcastle

Các yêu cầu đầu vào của Đại Học Newcastle

- Sinh viên sẽ được tiếp tục theo học Giai đoạn II của Chương trình tại Newcastle, khi đạt các yêu cầu sau đây:
- Hoàn thành các môn học Giai đoạn I (ba học kỳ) của chương trình tại Đại học Nông Lâm TP.HCM (12 môn học bắt buộc dựa trên các môn học/ nội dung được đưa ra trong chương trình của Đại học Newcastle) và đáp ứng điều kiện đầu vào của Giai đoạn II Chương trình Cử nhân Khoa học và Quản lý Môi trường của Khoa Khoa học và Công nghệ Thông tin tại Đại học Newcastle sẽ được tiếp tục theo học để trở thành Cử nhân Khoa học và Quản lý Môi trường.
- Sinh viên sẽ phải đáp ứng những yêu cầu trong Chính sách về Trình độ Tiếng Anh của Đại học Newcastle (đôi khi được điều chỉnh theo toàn quyền quyết định của Newcastle). Mức yêu cầu trình độ tiếng Anh hiện nay là tương đương IELTS 6.0 hoặc cao hơn. Chính sách về trình độ tiếng Anh xem tại: www.newcastle.edu.au/policylibrary/000104.html

NGÔN NGỮ GIẢNG DẠY

- Toàn bộ chương trình được giảng dạy bằng Tiếng Anh

GIẢNG VIÊN

- **Giai đoạn I:** Giảng viên sẽ là đội ngũ thuộc các khoa của Đại học Nông Lâm TP.HCM và các giáo sư đến từ những trường đại học khác.
- **Giai đoạn II:** Giảng viên sẽ là đội ngũ của Đại học Newcastle - Úc.

ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO

- **Giai đoạn I:** Đại học Nông Lâm, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Giai đoạn II:** Đại học Newcastle, Úc.

CHƯƠNG TRÌNH VÀ VĂN BẰNG

Sinh viên hoàn thành chương trình học Giai đoạn II của chương trình Khoa học và Quản lý Môi trường tại Newcastle sẽ được cấp văn bằng Cử nhân Khoa học và Quản lý Môi trường của Đại học Newcastle.

Sinh viên hoàn thành và được cấp văn bằng Cử nhân Khoa học và Quản lý Môi trường của Newcastle sẽ đủ điều kiện đăng ký ghi danh vào chương trình Cử nhân Khoa học và Quản lý Môi trường Danh dự. Đây là một chương trình học 1 năm với 80 tín chỉ.

Sinh viên hoàn thành và được cấp văn bằng Cử nhân Khoa học và Quản lý Môi trường Danh dự của Đại học Newcastle sẽ đủ điều kiện đăng ký ghi danh vào một chương trình Văn bằng Nghiên cứu Cấp cao hơn.

CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU TẦM CỠ THẾ GIỚI CỦA ĐẠI HỌC NEWCASTLE

Nghiên cứu là tất cả những công việc nhằm xác định và giải quyết các vấn đề, và giảng viên của chúng tôi đã tham gia vào nghiên cứu các chương trình môi trường tầm cỡ thế giới. Chúng tôi triển khai nghiên cứu theo những nhóm chuyên biệt bao gồm giảng viên, sinh viên sau đại học và sinh viên theo học chương trình Cử nhân Danh dự. Với vị thế tiên phong trong lĩnh vực nghiên cứu, chúng tôi có thể kết hợp những kết quả nghiên cứu của mình vào chương trình giảng dạy. Điều này nghĩa là bạn sẽ theo kịp những khám phá và phát triển mới nhất trong lĩnh vực khoa học và quản lý môi trường. Những lĩnh vực nghiên cứu chính của chúng tôi là:

Sinh thái học và Độc học Sinh thái:

Nghiên cứu trong lĩnh vực này quan tâm chính tới những chất gây ô nhiễm tìm thấy trong những môi trường cửa sông và biển. Những tác động của chất gây ô nhiễm được điều tra, cùng với những phản hồi về tác nhân gây ra chất ô nhiễm, có thể được sử dụng làm công cụ giám sát thông tin đối với những tác động của ô nhiễm. Sinh thái của môi trường cửa sông và biển cũng được nghiên cứu, đánh giá những tác động tiềm tàng đối với các cộng đồng sinh thái và những sáng kiến khôi phục.

Môi trường và Biến đổi Khí hậu

Lĩnh vực nghiên cứu này chuyên về nghiên cứu các quá trình của môi trường và biến đổi khí hậu. Nhiều hoạt động của con người như phát triển đô thị, nông nghiệp và khai mỏ tác động lên những cảnh

quan tự nhiên và gây ra nhiều vấn đề về môi trường. Những điều này bị tác động ra sao bởi biến đổi khí hậu? Các nhà nghiên cứu của chúng tôi có ba lĩnh vực quan tâm chính:

- **Những tác động của nước thải và chất thải đối với hệ thống nước ngầm.** Những kỹ thuật theo dõi và giám sát nước ngầm mới đã được phát triển để theo dõi chuyên động của những chất thải chứa nhiều dinh dưỡng và vi khuẩn từ hệ thống thùng chứa nhiễm khuẩn để kiểm tra xem liệu rò rỉ hay sự cố của những hệ thống này có chịu trách nhiệm đối với nhiễm bẩn môi trường không.
- **Phục hồi mỏ sau khai thác.** Sau khi một nguồn khoáng sản đã cạn kiệt hoặc một khu vực trở nên không còn tiềm năng hay giá trị kinh tế, tình trạng của khu vực khai mỏ khác biệt rất nhiều so với những tình trạng yên bình ban đầu. Việc khắc phục là hết sức cần thiết để giảm thiểu dòng dịch chuyển của chất cặn và chất ô nhiễm vào những dòng nước gần đó. Các công ty khai mỏ chịu trách nhiệm khắc phục vùng đất của họ. Các nhà nghiên cứu của chúng tôi đã phát triển những phương pháp để dự đoán thời gian duy trì các biện pháp phục hồi sau khi khai mỏ.
- **Tái thiết khí hậu trong quá khứ.** Tiêu điểm ở đây là khám phá khí hậu của Trái đất ra sao trước khi con người bắt đầu thực hiện các biện pháp đo lường thời tiết. Ví dụ các nhà nghiên cứu của chúng tôi hiện nay đang làm việc với Sydney Catchment Authority (Cơ quan Tích trữ Nước mưa) để điều tra tần suất khu vực Sydney gánh chịu khô hạn trong suốt 1000 năm qua. Việc này sẽ được thực hiện bằng cách sử dụng các dấu hiệu hóa học được bảo tồn trong măng đá lấy từ các hang động.

Sức khỏe Hệ sinh thái

Trong lĩnh vực này, các nhà nghiên cứu của chúng tôi quan sát môi trường đặc biệt về sự phát triển và khả năng bền vững. Điều này bao gồm nghiên cứu về khả năng mối quan hệ giữa con người với sức khỏe hệ sinh thái tại các khu vực khai thác than đá của vùng Upper Hunter NSW, các quy tắc trong kiểm soát môi đe dọa đối với cuộc sống hoang dã tại Arnhem Land, địa lý và nội quy sinh học của ngành ngựa thuần chủng và phân tích dấu chân sinh thái cho các nhà lập chính sách.

Để biết thêm thông tin về tất cả các khía cạnh của Khoa học và Quản lý Môi trường tại Đại học Newcastle, vui lòng truy cập Website: www.newcastle.edu.au/what-can-i-study/environmental-science-and-managemen

CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

Có vô số những triển vọng nghề nghiệp trong tương lai cho sinh viên tốt nghiệp ngành Khoa học và Quản lý Môi trường. Hiện tượng ấm lên toàn cầu, phục hồi mỏ khai thác và những kỳ vọng xã hội ngày càng tăng đối với bảo vệ môi trường chỉ là một số vấn đề đang làm gia tăng nhu cầu đối với những chuyên gia môi trường. Khối lượng và tính đa dạng trong công việc về môi trường là rất lớn. Sự tăng trưởng đáng kể trong lĩnh vực này đã được thể hiện rõ trong suốt ba thập kỷ qua và xu hướng này được dự đoán sẽ còn tiếp diễn. Điều này sẽ đem tới nhiều cơ hội hơn cho những chuyên gia môi trường trong cả các cơ quan chính phủ và các tập đoàn tư nhân.

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN:

- Đơn đăng ký (Liên hệ trực tiếp tại Văn phòng CIE-NLU hoặc Download tại website <http://cie-nlu.hcmuaf.edu.vn>)
- Bản sao học bạ PTTH và Bằng tốt nghiệp PTTH hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (2 bản sao có công chứng)
- Bản sao giấy báo điểm thi đại học
- Chứng chỉ IELTS (nếu có)
- Ảnh 04 tấm (cỡ 4x6)
- 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ liên lạc

THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ, XÉT TUYỂN, PHÒNG VẤN

- Nhận hồ sơ dự tuyển : Đến ngày 25 tháng 9 năm 2011
- Địa điểm đăng ký và nhận hồ sơ: Trung tâm Đào tạo Quốc tế
- Phòng vấn và thông báo kết quả xét tuyển: Từ ngày 26 đến 30 tháng 9 năm 2011
- Khai giảng: Tháng 10 năm 2011

MUỐN BIẾT THÊM CHI TIẾT VUI LÒNG LIÊN HỆ:

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO QUỐC TẾ

Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh
 Khu phố 6, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
 Điện thoại: 08-37246042/ Fax: 08-37246042;
 hotline: 0938020438

Email: cie-nlu@hcmuaf.edu.vn

Website: <http://cie-nlu.hcmuaf.edu.vn>